BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG
VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG V

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 190/QĐ-CĐGTVTTW V

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 02 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên khoá tuyển sinh năm 2018 trình độ Cao đẳng-Đào tạo theo phương thức tích luỹ MĐ hoặc tín chỉ

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG V

Căn cứ Quyết định số 1671/2001/QĐ-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành bản quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Giao thông vận tải II nay là trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V;

Căn cứ Quy định thực hiện Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 79/QĐ-CĐGTVTTW V ngày 29 tháng 01 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V;

Căn cứ Biên bản số 189 họp ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V, về việc xét điều kiện công nhận tốt nghiệp cho sinh viên khóa tuyển sinh năm 2018 trình độ Cao đẳng - Đào tạo theo phương thức tích luỹ mô đun hoặc tín chỉ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp cho 97 sinh viên khóa tuyển sinh năm 2018 trình độ Cao đẳng - Đào tạo theo phương thức tích luỹ mô đun hoặc tín chỉ. Trong đó:

1. Nghề **Chế tạo thiết bị cơ khí- 29 sinh viên**
   - CĐ18CT1: 15 sinh viên (01 Giỏi, 14 Khá)
   - CĐ18CT2: 14 sinh viên (01 Xuất sắc, 05 Giỏi, 08 Khá)
2. Nghề **Điện công nghiệp**
   CĐ18ĐC1: 30 sinh viên (03 Giỏi, 23 Khá)
3. Nghề **Xây dựng cầu đường bộ - 20 sinh viên**
   - CĐ18XB1: 15 sinh viên (03 Giỏi, 12 Khá)
   - CĐ18XB2: 05 sinh viên (05 Khá)
4. Nghề **Dịch vụ pháp lý**
   CĐ18DP1: 07 sinh viên (01 Xuất sắc, 06 Khá)
5. Nghề **Logistic**
   CĐ18LG1: 09 sinh viên (01 Xuất sắc, 02 Giỏi, 06 Khá)
6. Nghề **Tiếng Anh**
   CĐ18A1: 02 sinh viên (01 Giỏi, 01 Khá)

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Sinh viên tốt nghiệp được cấp bằng Cao đẳng theo quy định của Bộ Lao động Thương binh & Xã hội.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Trưởng các đơn vị: Phòng đào tạo, phòng Công tác chính trị & quản lý học sinh sinh viên, phòng Tài chính- Kế toán; trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên tại Điều 1 căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ LĐTB&XH (để báo cáo);
- Bộ GTVT (để báo cáo);
- Hiệu trưởng (để báo cáo);
- Các Phó Hiệu trưởng;
- Lưu: VT, ĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG V

Nguyễn Thị Phương Dung

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA TUYỂN SINH NĂM 2018 TỐT NGHIỆP THÁNG 02/2021

(Kèm theo Quyết định số 419/QĐ-CĐGTVTTW V ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V)

I. NGÀNH, NGHỀ CHẾ TẠO THIẾT BỊ CƠ KHÍ (29 SINH VIÊN)

1. LỚP CĐ18CT1 - 15 SINH VIÊN

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số TC		Điểm học tập			Ghi chú
							ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại	TBC TL		
1	186520104113	Nguyễn Thanh	Sang	18/10/1994	Nam	Bình Định	87	Tốt	78	78	0	3.59	Giỏi	
2	186520104111	Răh Lan Thanh	Nhân	28/3/2000	Nam	Bình Định	87	Tốt	78	78	1	3.40	Khá	Hạ bậc
3	186520104116	Hoàng Văn	Thắng	02/01/2000	Nam	Nghệ An	83	Tốt	78	78	0	3.19	Khá	
4	186520104103	Đoàn Văn	Hậu	20/10/2000	Nam	Bình Định	85	Tốt	78	78	0	3.05	Khá	
5	186520104104	Huỳnh Văn	Hiền	06/11/2000	Nam	Quảng Ngãi	79	Khá	78	78	0	2.99	Khá	
6	186520104108	Hồ Thanh	Luân	05/10/2000	Nam	Quảng Ngãi	80	Tốt	78	78	0	2.97	Khá	
7	186520104115	Đinh	Tài	21/3/2000	Nam	Gia Lai	80	Tốt	78	78	0	2.95	Khá	
8	186520104120	Phạm Quốc	Việt	28/9/1999	Nam	Bình Định	79	Khá	78	78	0	2.88	Khá	
9	186520104102	Huỳnh Đức	Chung	22/10/1999	Nam	Quảng Ngãi	78	Khá	78	78	0	2.86	Khá	
10	186520104107	Lê Văn	Long	04/6/2000	Nam	Quảng Ngãi	82	Tốt	78	78	0	2.86	Khá	
11	186520104117	Trương Quang	Thời	05/10/2000	Nam	Quảng Ngãi	81	Tốt	78	78	0	2.84	Khá	
12	186520104118	Nguyễn Đan	Trường	25/9/2000	Nam	Quảng Ngãi	80	Tốt	78	78	1	2.83	Khá	
13	186520104106	Tạ Thanh	Liêm	09/02/2000	Nam	Quảng Ngãi	80	Tốt	78	78	0	2.81	Khá	
14	186510201113	Võ Ngọc	Hảo	17/10/2000	Nam	Quảng Ngãi	81	Tốt	78	78	0	2.78	Khá	
15	186520104119	Đặng Tấn Ngọc	Tú	08/6/1999	Nam	Quảng Nam	78	Khá	78	78	1	2.67	Khá	

2. LỚP CĐ18CT2 - 14 SINH VIÊN

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số TC		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
							ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại	TBC TL		
1	186520104207	Võ Văn	Truyền	01/02/2000	Nam	Quảng Nam	88	Tốt	78	78	0	3.62	Xuất sắc	
2	186520104205	Huỳnh Thiện	Tâm	01/10/2000	Nam	Đắk Lắk	85	Tốt	78	78	0	3.47	Giỏi	
3	186520104208	Mai Văn	Tươi	30/12/1999	Nam	Quảng Ngãi	84	Tốt	78	78	0	3.43	Giỏi	
4	186520104203	Ngô Văn	Lập	03/01/2000	Nam	Quảng Ngãi	84	Tốt	78	78	0	3.40	Giỏi	
5	186520104204	Nguyễn Lập	Luận	03/11/2000	Nam	Quảng Trị	89	Tốt	78	78	1	3.38	Khá	Hạ bậc
6	186510201202	Phạm Viết	Lực	01/4/2000	Nam	Quảng Nam	80	Tốt	78	78	0	3.24	Giỏi	
7	186520104212	Lưu Quốc	Vương	17/4/2000	Nam	Đắk Lắk	83	Tốt	78	78	0	3.20	Giỏi	
8	186520104210	Nguyễn Tài	Trường	02/01/2000	Nam	Quảng Ngãi	82	Tốt	78	78	0	3.18	Khá	
9	186510201211	Lê Văn	Vương	30/4/1999	Nam	Quảng Ngãi	81	Tốt	78	78	0	3.14	Khá	
10	186520227211	A Lý Minh	Tuấn	03/10/1999	Nam	Kon Tum	80	Tốt	78	78	0	3.09	Khá	
11	186510201205	Nguyễn Tấn	Hưng	05/5/1999	Nam	Quảng Ngãi	80	Tốt	78	78	0	3.03	Khá	
12	186510201203	Nguyễn Phước	Tiến	04/11/2000	Nam	Quảng Nam	80	Tốt	78	78	1	2.95	Khá	
13	186510201206	Hoàng Quốc	Khánh	02/9/2000	Nam	Quảng Ngãi	80	Tốt	78	78	1	2.94	Khá	
14	186510201210	Bùi Tá Anh	Vũ	17/02/2000	Nam	Quảng Ngãi	81	Tốt	78	78	0	2.68	Khá	

II. NGÀNH, NGHỀ ĐIỆN CÔNG NGHIỆP -LỚP CĐ18ĐC1 (30 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số TC		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
							ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại, học lại	TBC TL		
1	186520227134	Phạm Ngọc	Toán	01/01/1996	Nam	Quảng Ngãi	81	Tốt	78	78	1	3.64	Giỏi	Hạ bậc
2	186520227123	Lê Huỳnh Anh	Tin	02/02/2000	Nam	Quảng Ngãi	80	Tốt	78	78	0	3.45	Giỏi	
3	186520227201	Nguyễn Văn	Đạt	29/4/2000	Nam	Quảng Nam	79	Khá	78	78	1	3.36	Khá	Hạ bậc
4	186520227122	Dương Công	Thuyên	13/4/2000	Nam	Quảng Nam	77	Khá	78	78	0	3.33	Giỏi	
5	186520227137	Trần Văn	Thìn	02/5/2000	Nam	Thừa Thiên Huế	78	Khá	78	78	1	3.01	Khá	
6	186520227124	Võ Quang	Vương	14/6/2000	Nam	Quảng Nam	77	Khá	78	78	0	2.95	Khá	
7	186520227206	Nguyễn Tấn	Thời	09/3/2000	Nam	Gia lai	74	Khá	78	78	1	2.92	Khá	
8	186520227210	A	TAU	25/02/1999	Nam	Kon Tum	71	Khá	78	78	1	2.90	Khá	
9	186520227116	Hồ Văn	Phiêu	09/10/2000	Nam	Quảng Nam	85	Tốt	78	78	0	2.84	Khá	
10	186520227105	Nguyễn Phước	Hậu	28/4/2000	Nam	Quảng Nam	75	Khá	78	78	0	2.83	Khá	
11	186520227126	Nguyễn Đình	Hạ	20/11/2000	Nam	Quảng Nam	81	Tốt	78	78	0	2.83	Khá	
12	186520227202	Phạm Phú	Hậu	15/6/2000	Nam	Quảng Nam	77	Khá	78	78	1	2.82	Khá	
13	186520227117	Lê Hoàng	Phúc	08/10/1999	Nam	Gia Lai	80	Tốt	78	78	0	2.77	Khá	
14	186520227207	Phan Lý	Tùng	03/02/2000	Nam	Bình Định	72	Khá	78	78	1	2.73	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số TC		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
							ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại, học lại	TBC TL		
15	186520227203	Đỗ	Lanh	14/8/2000	Nam	Quảng Nam	76	Khá	78	78	1	2.70	Khá	
16	186580205119	Huỳnh Tấn	Lực	02/4/2000	Nam	Bình Định	81	Tốt	78	78	1	2.67	Khá	
17	186520227106	Ngô Hà Thanh	Hoàng	11/9/2000	Nam	Đà Nẵng	75	Khá	78	78	0	2.66	Khá	
18	186520227102	Võ	Đạt	26/02/2000	Nam	Quảng Ngãi	75	Khá	78	78	0	2.65	Khá	
19	186520227132	Lê Minh	Sáng	20/12/2000	Nam	Quảng Trị	72	Khá	78	78	0	2.65	Khá	
20	186520227208	Trần Văn	Tường	10/11/2000	Nam	Quảng Nam	75	Khá	78	78	1	2.65	Khá	
21	186520227204	Huỳnh Thủ	Thạch	15/6/2000	Nam	Quảng Nam	75	Khá	78	78	1	2.62	Khá	
22	186520227110	Bùi Đức	Linh	07/12/2000	Nam	Đà Nẵng	74	Khá	78	78	1	2.60	Khá	
23	186520227118	Nguyễn Văn	Phương	04/5/1999	Nam	Quảng Nam	73	Khá	78	78	0	2.53	Khá	
24	186520227121	Nguyễn Tri	Thức	02/11/2000	Nam	Quảng Trị	71	Khá	78	78	0	2.53	Khá	
25	186520227115	Rcom Sơi	Ót	24/11/2000	Nam	Gia Lai	74	Khá	78	78	0	2.51	Khá	
26	186520227133	Nguyễn Công	Tạn	04/8/1999	Nam	Đắk Lắk	71	Khá	78	78	0	2.51	Khá	
27	186520227114	Phan Văn	Nhật	16/7/1999	Nam	Quảng Ngãi	75	Khá	78	78	1	2.46	Trung bình	
28	186520227109	Võ Đình	Khôi	02/9/2000	Nam	Quảng Nam	72	Khá	78	78	2	2.44	Trung bình	
29	186520227101	Nguyễn Dương Tiểu	Bảo	02/4/2000	Nam	Quảng Nam	76	Khá	78	78	1	2.42	Trung bình	
30	186520227136	A	Bích	10/12/1999	Nam	Kon Tum	75	Khá	78	78	1	2.42	Trung bình	

III. NGÀNH, NGHỀ XÂY DỰNG CẦU ĐƯỜNG BỘ (20 SINH VIÊN)

1. LỚP CĐ18XB1 - 15 SINH VIÊN

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số TC		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
							ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại, học lại	TBC TL		
1	186580205112	Thái Văn	Hoàng	01/02/1999	Nam	Thừa Thiên Huế	77	Khá	77	77	0	3.36	Giỏi	
2	186580205121	Võ Lê	Nguyên	09/02/2000	Nam	Gia Lai	75	Khá	77	77	0	3.34	Giỏi	
3	186580205118	Võ Thanh	Liêm	09/08/2000	Nam	Bình Định	76	Khá	77	77	0	3.31	Giỏi	
4	186580205122	Huỳnh Tấn	Phát	28/02/2000	Nam	Gia Lai	86	Tốt	77	77	0	3.14	Khá	
5	186580205128	Ngô Minh	Thiện	14/10/1999	Nam	Bình Định	74	Khá	77	77	0	3.13	Khá	
6	186580205144	A	Bản	25/07/1999	Nam	Kon Tum	78	Khá	77	77	0	3.09	Khá	
7	186580205113	Hồ Văn	Hùng	18/04/2000	Nam	Quảng Nam	77	Khá	77	77	0	3.03	Khá	
8	186580205126	Đỗ Quốc	Thắng	25/07/2000	Nam	Bình Định	73	Khá	77	77	1	2.90	Khá	
9	186580205101	Trần Ngọc	Ân	23/08/1999	Nam	Quảng Ngãi	77	Khá	77	77	0	2.78	Khá	
10	186580205116	Nguyễn Văn	Khanh	14/04/1999	Nam	Bình Định	80	Tốt	77	77	0	2.89	Khá	
11	186580205133	Đỗ Thanh	Vĩ	15/07/2000	Nam	Quảng Ngãi	75	Khá	77	77	1	2.85	Khá	
12	186580205129	Trần Lê	Thịnh	28/03/2000	Nam	Quảng Ngãi	74	Khá	77	77	2	2.76	Khá	
13	186580205137	Nguyễn Duy	Ngọc	14/01/1999	Nam	Quảng Nam	74	Khá	77	77	0	2.61	Khá	
14	186580205111	Hoàng Văn	Hòa	01/04/2000	Nam	Quảng Trị	73	Khá	77	77	2	2.56	Khá	
15	186580205102	Phan Hùng	Anh	12/07/2000	Nam	Gia Lai	71	Khá	77	77	1	2.53	Khá	

2. LỚP CD18XB2 - 05 SINH VIÊN

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số TC		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
							ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại, học lại	TBC TL		
1	186580205207	Nguyễn Mậu	Tây	10/03/2000	Nam	Quảng Nam	84	Tốt	77	77	1	3,22	Khá	Hạ bậc
2	186580205208	Huỳnh Văn	Mãn	02/02/2000	Nam	Quảng Nam	84	Tốt	77	77	1	3,21	Khá	Hạ bậc
3	186580205204	Nguyễn Hoàng	Thuận	24/03/2000	Nam	Kon Tum	84	Tốt	77	77	1	3,04	Khá	
4	186480202203	Nguyễn Tài	Tiến	14/09/1998	Nam	Quảng Ngãi	81	Tốt	77	77	1	2,94	Khá	
5	186580205214	Hà Công	Tuấn	27/07/1998	Nam	Quảng Nam	78	Khá	77	77	1	2,59	Khá	

IV. NGÀNH, NGHỀ DỊCH VỤ PHÁP LÝ- CD18DP1 (07 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số TC		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
							ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại, học lại	TBC TL		
1	186380201104	Lê Chí	Công	14/12/1999	Nam	Quảng Bình	98	Xuất sắc	71	71	0	3,73	Xuất sắc	
2	186380201109	Nàng Ly	Oanh	15/12/1999	Nữ	Kon Tum	89	Tốt	71	71	1	3,00	Khá	
3	186380201105	Nguyễn Xuân	Huấn	26/03/2000	Nữ	Quảng Nam	77	Khá	71	71	1	2,82	Khá	
4	186380201103	Rơ Mah	Bloar	19/05/1999	Nữ	Gia Lai	79	Khá	71	71	1	2,73	Khá	
5	186380201108	Siu	Nhung	10/11/1998	Nữ	Gia Lai	79	Khá	71	71	4	2,70	Khá	
6	186380201114		Y Năm	05/11/1999	Nữ	Kon Tum	78	Khá	71	71	1	2,65	Khá	
7	186380201111	Hồ Thị	Thứ	15/07/2000	Nữ	Quảng Nam	77	Khá	71	71	2	2,60	Khá	

V. NGÀNH, NGHỀ LOGISTIC- CĐ18LG1 (09 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số TC		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
							ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại, học lại	TBC TL		
1	186340113112	Lê Văn	Trầm	05/07/1994	Nam	Thừa Thiên Huế	76	Khá	81	81	0	3.61	Xuất sắc	
2	186340113110	Phạm Thị Phương	Uyên	09/09/2000	Nữ	Đắk Lắk	78	Khá	81	81	1	3.55	Khá	Hạ bậc
3	186340113105	Huỳnh Thị Trà	My	21/08/2000	Nữ	Phú Yên	76	Khá	81	81	0	3.45	Giỏi	
4	186340113108	Nguyễn Nhất	Vượng	12/12/2000	Nữ	Bình Định	76	Khá	81	81	0	3.43	Giỏi	
5	186340407102	Ngô Thị Mỹ	Hạnh	13/03/1999	Nữ	Quảng Nam	81	Tốt	81	81	0	2.93	Khá	
6	186340113103	Lê Khánh	Hiền	07/09/2000	Nữ	Quảng Nam	78	Khá	81	81	1	2.86	Khá	
7	186340113101	Trần Ngọc	Ánh	16/06/2000	Nữ	Quảng Ngãi	79	Khá	81	81	1	2.78	Khá	
8	186340113102	Nguyễn Lê Thu	Hà	01/01/2000	Nữ	Quảng Nam	79	Khá	81	81	0	2.76	Khá	
9	186340101102	Bùi Văn	Viên	28/09/2000	Nam	Quảng Nam	81	Tốt	81	81	1	2.67	Khá	

VI. NGÀNH, NGHỀ TIẾNG ANH- CĐ18A1 (02 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số TC		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
							ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại, học lại	TBC TL		
1	186220206105	Hoàng Văn	Sanh	28/02/1999	Nam	Hà Giang	83	Tốt	74	74	1	3.22	Khá	Hạ bậc
2	186220206106	Lương Thảo	Vy	26/11/2000	Nữ	Đắk Lắk	84	Tốt	74	74	0	3.22	Giỏi	